

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục giằng co tại vùng đỉnh trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,682.21 điểm, tăng nhẹ hơn 1 điểm so với hôm qua. 12/18 ngành giảm điểm, nhưng số mã tăng lại nhiều hơn số mã giảm, cho thấy dòng tiền có xu hướng phân hóa. Ngành Dịch vụ tài chính dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Tài nguyên cơ bản. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này tiếp tục bán ròng mạnh hơn 3.5 nghìn tỷ trên sàn HSX. Thị trường đang giằng co trước vùng đỉnh cũ 1,700 và chưa có dấu hiệu kết thúc. Xu hướng này có thể tiếp tục kéo dài trong ngắn hạn trước khi có cây nến chỉ hướng và thanh khoản ủng hộ xuất hiện.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ VN30F2509.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 29/08/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+1.35** điểm, đóng cửa tại **1682.21** điểm. HNX-Index **+3.35** điểm, đóng cửa tại **279.98** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VPB (+1.91)**, **HDB (+0.80)**, **MBB (+0.80)**, **HPG (+0.73)**, **VND (+0.65)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-1.60)**, **FPT (-1.12)**, **VCB (-0.78)**, **GAS (-0.59)**, **BSR (-0.46)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **43,297** tỷ đồng, tăng **35.35%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 45,096 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 16.6 điểm. Thị trường có **172** mã tăng, 56 mã tham chiếu, **149** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-3623.94** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **MBB (-434.68 tỷ)**, **HPG (-373.81 tỷ)**, **FPT (-355.77 tỷ)**, **SSI (-338.07 tỷ)**, **VIX (-337.56 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **61.00** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.60%**. Các mã diễn biến tích cực:
VCI (+4.32%)
HCM (+3.19%)
VPB (+2.94%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-0.37%**. Các mã diễn biến tích cực:
MBS (+2.21%)
FTS (+1.91%)
DPG (+1.61%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.60%	-0.37%	0.08%	1.21%
1 tuần	2.83%	1.93%	2.23%	2.75%
1 tháng	9.91%	7.91%	11.58%	7.06%
3 tháng	25.34%	27.31%	26.24%	25.43%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,682.21	279.98	111.00
% 1D	0.08%	1.21%	0.34%
GTKL (tỷ VND)	43,297	3,183	1,014
%1D	35.35%	39.03%	34.04%
GDNN (tỷ VND)	-3623.94	61.00	-0.85

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
GMD	128.38	MBB	-434.68
VCI	98.80	HPG	-373.81
VCB	83.14	FPT	-355.77
VND	48.93	SSI	-338.07
TPB	30.05	VIX	-337.56

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	6,502	0.32%	1.41%
FTSE100	9,179	-0.41%	0.13%
Eurostoxx	5,358	-0.75%	-2.14%
Shanghai	3,858	0.37%	0.84%
Nikkei	42,718	-0.26%	0.20%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

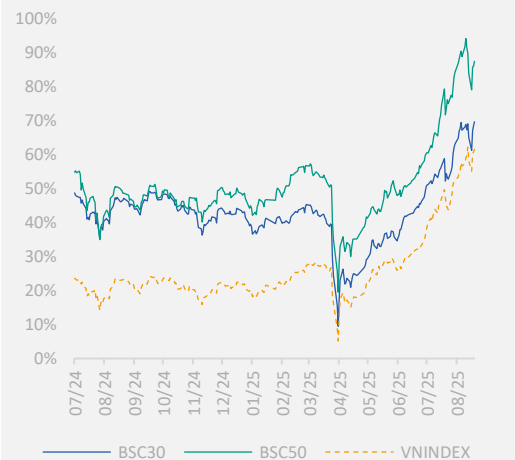
	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	67.51	0.46%
Giá vàng	3,410	-1.22%

Tỷ giá		
USD/VND	26,502	-0.11%
EUR/VND	31,560	0.14%
JPY/VND	184	0.55%

Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.7%	0.01%
LS LNH 1M	5.0%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6



Mở tài khoản tại BSC

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPB	35.00	2.94%	1.91	7.93
HDB	33.45	2.92%	0.80	3.51
MBB	27.75	2.02%	0.80	6.10
HPG	27.50	1.48%	0.73	7.68
VND	26.35	6.90%	0.65	1.52

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SHS	29.20	6.96%	1.23	0.89
MBS	41.70	2.21%	0.36	0.57
NVB	15.70	1.29%	0.16	1.17
THD	25.90	1.57%	0.11	0.38
DNP	20.40	4.62%	0.09	0.14

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DSE	33.85	6.95%	0.18	2.88
JVC	5.54	6.95%	0.01	1.96
AGR	19.25	6.94%	0.07	6.49
BCG	3.86	6.93%	0.05	11.27
VND	26.35	6.90%	0.64	76.12

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HKT	11.10	9.90%	0.03	0.00
PSI	10.10	9.78%	0.24	3.30
NAP	13.60	9.68%	0.11	0.00
SDA	3.40	9.68%	0.03	0.51
WSS	8.30	9.21%	0.15	0.24

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	128.30	-1.38%	-1.60	3.88
FPT	101.60	-2.78%	-1.12	1.70
VCB	68.60	-0.58%	-0.78	8.36
GAS	63.80	-1.69%	-0.59	2.34
BSR	26.50	-2.39%	-0.46	3.10

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	153.20	-2.30%	-0.48	0.20
VIF	16.50	-2.37%	-0.09	0.35
SEB	44.30	-9.59%	-0.09	0.03
HGM	286.00	-2.72%	-0.07	0.01
BAB	14.50	-0.68%	-0.06	0.96

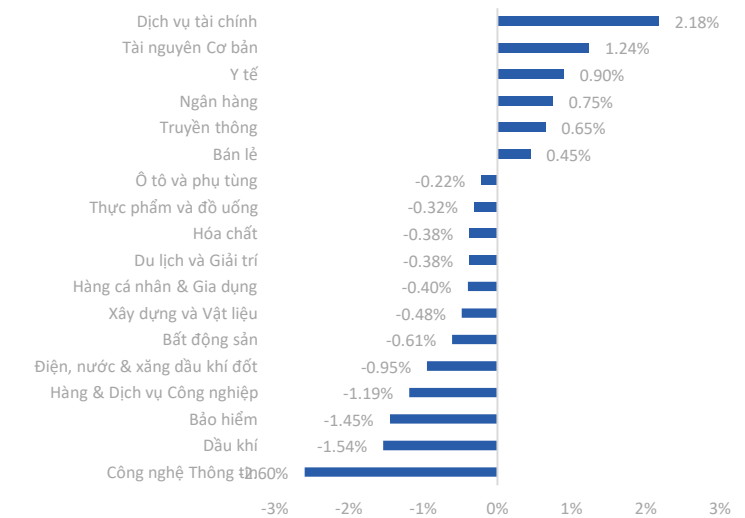
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
STG	36.95	-6.93%	-0.06	0.00
COM	30.30	-5.31%	-0.01	0.00
TNT	8.40	-5.19%	-0.01	0.46
HNA	23.80	-3.84%	-0.05	0.02
TEG	6.04	-3.82%	-0.01	0.18

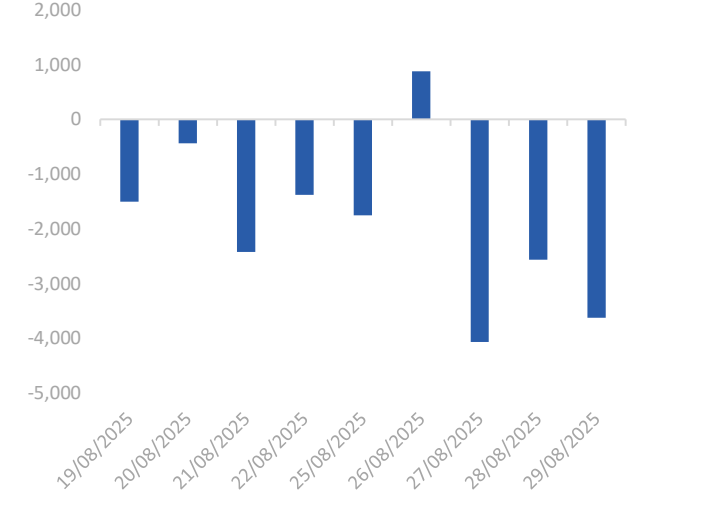
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HEV	9.30	-9.71%	0.00	0.00
NHC	18.80	-9.62%	-0.02	0.00
SEB	44.30	-9.59%	-0.55	0.00
GLT	17.20	-9.47%	-0.06	0.01
BPC	12.70	-9.29%	-0.02	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	78.0	0.9%	1.5	114,285	841.9	3,304	23.4	84,700	48.1%	Link
KBC	Bất động sản	39.7	-1.6%	1.3	37,953	350.8	1,835	22.0	-	14.4%	Link
KDH	Bất động sản	36.5	1.7%	1.2	40,288	345.3	716	50.1	39,900	32.5%	Link
PDR	Bất động sản	24.6	0.6%	1.5	23,907	617.8	177	138.1	28,200	11.1%	Link
VHM	Bất động sản	104.5	-0.1%	1.1	429,635	441.2	6,995	15.0	92,000	10.1%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	101.6	-2.8%	1.0	178,016	1231.6	5,092	20.5	118,700	37.5%	Link
BSR	Dầu khí	26.5	-2.4%	0.0	84,179	430.4	(16)	(1,688)	23,200	0.6%	Link
PVS	Dầu khí	33.9	-0.3%	1.3	16,251	163.0	2,644	12.9	42,800	11.2%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	29.1	3.2%	1.4	30,455	894.0	1,123	25.1		38.5%	
SSI	Dịch vụ tài chính	42.2	0.5%	1.4	82,819	2329.3	1,577	26.6		39.8%	
VCI	Dịch vụ tài chính	48.3	4.3%	1.2	33,420	1170.2	1,369	33.8		28.2%	
DCM	Hóa chất	39.6	1.4%	1.4	20,673	211.5	2,805	13.9	47,300	7.0%	Link
DGC	Hóa chất	98.2	-1.5%	1.4	37,864	206.9	8,175	12.2	109,300	13.6%	Link
ACB	Ngân hàng	27.8	0.9%	0.9	141,515	670.5	3,305	8.3	28,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	42.9	0.8%	1.0	298,408	448.6	3,683	11.5	49,500	17.4%	Link
CTG	Ngân hàng	51.3	-0.6%	1.0	277,092	634.0	5,608	9.2	53,500	26.7%	Link
HDB	Ngân hàng	33.5	2.9%	1.1	113,589	981.2	4,075	8.0	30,800	17.5%	Link
MBB	Ngân hàng	27.8	2.0%	1.1	219,096	1548.3	3,046	8.9	32,000	23.1%	Link
MSB	Ngân hàng	17.7	0.9%	1.1	45,630	390.7	1,961	9.0	14,000	29.9%	Link
STB	Ngân hàng	55.6	1.5%	0.9	103,310	762.7	6,148	8.9		19.7%	
TCB	Ngân hàng	39.6	0.0%	1.2	280,615	1107.9	3,018	13.1	39,800	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	20.9	0.5%	1.2	54,953	1005.0	2,423	8.6	-	25.0%	Link
VCB	Ngân hàng	68.6	-0.6%	0.7	576,542	1018.9	4,148	16.6	75,700	21.8%	Link
VIB	Ngân hàng	22.6	2.0%	0.9	75,399	910.7	2,219	10.0	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	35.0	2.9%	1.0	269,753	2311.2	2,193	15.5	26,500	25.1%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	27.5	1.5%	1.2	208,005	2396.7	1,750	15.5	34,300	20.4%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	18.4	0.0%	1.3	11,395	155.1	751	24.4	23,800	9.6%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	27.8	0.5%	1.4	10,622	253.1	4,124	6.7	31,700	4.3%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	83.0	-0.1%	1.2	120,156	614.4	1,862	44.6	92,700	25.2%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	60.3	-1.2%	0.5	127,487	253.7	4,101	14.9	64,500	48.7%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	42.0	-0.24%	1.5	9,227	143.8	2,216	19.0	23.8%	16.2%	Link
FRT	Bán lẻ	130.6	-1.14%	1.1	22,497	106.7	3,163	41.8	31.6%	24.9%	Link
BVH	Bảo hiểm	58.9	-2.64%	1.2	44,911	43.4	3,311	18.3	27.2%	10.6%	
DIG	Bất động sản	23.3	0.65%	1.4	14,965	443.8	183	126.3	5.9%	1.5%	
DXG	Bất động sản	22.8	-0.44%	1.4	23,332	656.9	353	64.9	26.6%	2.8%	Link
HDC	Bất động sản	35.6	0.28%	1.1	6,332	151.4	482	73.7	6.4%	3.8%	
HDG	Bất động sản	31.9	-0.47%	1.4	11,839	151.1	522	61.3	18.7%	3.1%	Link
IDC	Bất động sản	43.8	0.46%	1.4	16,546	57.6	3,977	11.0	16.5%	27.3%	Link
NLG	Bất động sản	43.2	-2.38%	1.4	17,020	230.6	1,709	25.9	47.3%	6.9%	Link
SIP	Bất động sản	58.9	-1.34%	1.1	14,454	18.5	5,315	11.2	4.1%	28.6%	
SZC	Bất động sản	35.2	-0.71%	1.1	6,380	61.6	1,978	17.9	2.4%	11.4%	Link
TCH	Bất động sản	21.9	-0.45%	1.4	19,111	176.4	1,117	19.7	11.0%	8.0%	Link
VIC	Bất động sản	128.3	-1.38%	1.3	501,277	323.5	3,580	36.3	3.8%	9.9%	
VRE	Bất động sản	30.4	-0.98%	1.1	69,760	299.7	1,937	15.9	17.7%	10.4%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	40.3	-1.47%	1.2	8,660	44.0	1,701	24.1	38.3%	12.5%	Link
PLX	Dầu khí	36.1	-0.14%	0.8	45,932	61.3	1,596	22.7	16.3%	7.9%	Link
PVD	Dầu khí	21.3	-0.93%	1.1	11,951	91.9	1,428	15.1	3.7%	5.0%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	40.1	1.91%	1.5	13,617	251.5	1,348	29.2	25.1%	10.9%	
MBS	Dịch vụ tài chính	41.7	2.21%	1.8	23,370	366.5	1,554	26.3	6.0%	12.1%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	63.8	-1.69%	0.9	156,601	96.4	5,002	13.0	1.8%	19.4%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	16.5	0.00%	1.0	38,524	256.3	624	26.4	3.1%	4.5%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	65.2	-0.61%	1.0	35,533	67.5	4,417	14.9	49.0%	12.6%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	144.5	-0.34%	0.7	85,784	297.2	3,427	42.3	8.0%	9.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	54.5	-2.33%	1.3	50,354	522.8	1,736	32.2	7.2%	11.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	69.1	0.29%	1.0	28,951	323.3	3,765	18.3	41.4%	12.0%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	56.2	-1.92%	1.0	9,676	170.0	5,700	10.1	6.3%	30.7%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.0	0.00%	1.2	8,435	51.7	2,306	7.8	8.0%	13.8%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	99.0	-1.39%	0.0	12,227	55.6	3,339	30.1	4.6%	25.4%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	85.6	0.00%	1.0	28,925	58.1	6,129	14.0	49.0%	18.2%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	30.0	-0.17%	0.8	3,367	72.2	2,693	11.2	49.8%	13.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	20.2	-0.49%	1.3	2,489	18.3	2,841	7.2	16.4%	18.6%	Link
DPM	Hóa chất	26.7	0.19%	1.3	18,120	74.1	957	27.8	7.3%	5.8%	Link
GVR	Hóa chất	29.1	-0.51%	1.5	116,800	97.5	1,320	22.1	0.6%	9.8%	
EIB	Ngân hàng	29.7	1.54%	1.0	54,485	622.0	1,783	16.4	5.4%	13.1%	Link
LPB	Ngân hàng	45.0	0.33%	0.4	133,980	147.8	3,324	13.5	0.9%	23.3%	Link
NAB	Ngân hàng	16.1	0.94%	0.0	27,279	41.7	2,260	7.0	1.7%	19.6%	
OCB	Ngân hàng	13.7	0.37%	1.0	36,218	129.3	1,130	12.0	19.7%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	15.9	0.32%	1.3	7,072	167.6	666	23.7	5.9%	3.6%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	27.2	-3.04%	1.7	7,455	82.9	1,871	15.0	3.8%	16.8%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	34.9	1.01%	0.8	10,489	84.9	1,921	18.0	3.0%	15.0%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	46.6	0.00%	1.1	59,703	40.9	3,185	14.6	58.6%	17.5%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	56.9	-1.04%	1.3	12,906	36.8	6,372	9.0	19.8%	16.1%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	144.0	0.56%	1.0	11,722	34.7	13,894	10.3	84.9%	39.8%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	77.1	0.39%	1.4	7,790	62.5	4,512	17.0	46.5%	5.1%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	89.2	1.13%	1.2	10,089	33.7	4,928	17.9	6.1%	29.9%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	44.1	1.61%	1.2	4,370	108.1	2,518	17.2	3.0%	12.9%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	14.8	-0.34%	1.4	7,387	165.7	1,077	13.8	10.6%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	26.8	-0.74%	1.1	9,638	129.8	1,179	22.9	15.3%	7.6%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	25.4	-0.59%	1.3	16,517	249.4	1,241	20.6	8.8%	9.9%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	61.0	-2.71%	1.4	28,112	104.1	3,343	18.8	6.1%	17.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 08/2025_Thuế quan – Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
3	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
4	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
5	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
9	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
10	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng	x		Click
11	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
23	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click
24	BSC_ Báo cáo ngành Q3.2024		x	Click
25	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>